

KHÔNG GIAN VĂN HÓA DÂN GIAN MIỀN NÚI TRONG TRUYỆN NGẮN MA VĂN KHÁNG

Lê Phương Thảo¹, Nguyễn Thanh Huyền²

Tóm tắt: Ma Văn Kháng là một trong những cây bút tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại viết về đề tài miền núi. Với vốn trải nghiệm thực tế, phong phú và sự am hiểu sâu sắc về đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là tại Lào Cai, nhà văn đã kiến tạo một thế giới nghệ thuật giàu bản sắc văn hóa đậm đà chất dân gian miền núi. Bài viết khảo sát không gian văn hóa dân gian và đời sống miền núi phía Bắc trong một số truyện ngắn tiêu biểu của Ma Văn Kháng, từ đó làm nổi bật chất liệu dân gian và giá trị nhân văn cũng như tính biểu hiện nghệ thuật trong sáng tác của ông.

Từ khóa: Ma Văn Kháng, văn hóa dân gian, miền núi phía Bắc, truyện ngắn, không gian văn hóa dân gian, văn học dân tộc thiểu số.

1. MỞ ĐẦU

Sau năm 1975, văn học Việt Nam có sự chuyển dịch mạnh mẽ về đề tài, trong đó miền núi – với tư cách là không gian văn hóa – trở thành điểm tụ hội của nhiều cây bút. Trong dòng chảy đó, Ma Văn Kháng nổi bật với cách tiếp cận nhân văn và sự lắng nghe sâu sắc đời sống tinh thần, văn hóa của các tộc người thiểu số. Không gian văn hóa dân gian trong truyện ngắn của ông không chỉ là yếu tố địa lý – bối cảnh, mà còn là lớp trầm tích văn hóa, nơi hội tụ các yếu tố tín ngưỡng, phong tục, quan niệm sống của cộng đồng miền núi Tây Bắc.

Trong dòng chảy văn học Việt Nam hiện đại, văn hóa dân gian đã và đang là một mạch nguồn nuôi dưỡng bền vững cho sáng tạo nghệ thuật. Khi nghiên cứu văn học dân tộc thiểu số hay văn học viết về miền núi, việc khảo sát các yếu tố văn hóa dân gian không chỉ giúp làm rõ tính dân tộc trong tác phẩm, mà còn mở rộng tầm nhìn văn hóa đối với vùng đất còn nhiều bí ẩn. Trong số các cây bút thành công ở mảng đề tài này, nhà văn Ma Văn Kháng nổi bật với những truyện ngắn khắc họa sắc sảo đời sống của các dân tộc miền núi phía Bắc, đặc biệt là người Mông, Dao, Hà Nhì, Phù Lá, Tày, Giáy...

Chia sẻ về hành trình cầm bút, trong buổi phỏng vấn với nhà báo, Ma Văn Kháng từng bộc bạch: “Tôi đã sống và làm việc ở Lào Cai suốt 22 năm tuổi trẻ. Say sưa trong cuộc sống với lý tưởng cống hiến, ở nơi tôi, ngày đêm còn một khát muốn cháy bỏng nữa là được thể hiện tình yêu của tôi với mảnh đất này bằng văn chương. Tôi sẽ viết văn! Viết về chính mảnh đất này! Đó là xu hướng nội tại không thể cưỡng lại được trong tôi.”[10].

¹ Trường THPT Bắc Thăng Long

² Trường ĐH Thủ đô Hà Nội

Chính từ trải nghiệm sâu sắc và gắn bó máu thịt ấy, nhà văn đã hình thành một cảm hứng sáng tác đặc biệt: viết về miền núi không chỉ bằng ngôn từ, mà bằng tất cả sự kính phục và chan chứa yêu thương dành cho những con người sống gần với đất trời, với thiên nhiên, sống bằng lao động và giá trị bản sắc văn hóa truyền thống. Chính điều này gợi mở cho hướng tiếp cận văn hóa trong sáng tác của ông. Ở mảng truyện ngắn viết về miền núi, nhà văn không chỉ tái hiện bối cảnh sinh tồn của đồng bào dân tộc, mà còn khéo léo đưa vào đó các vỉa tầng văn hóa dân gian: từ tín ngưỡng nguyên thủy, phong tục tập quán, ngôn ngữ, đặc sản, lễ nghi... đến những hình thức lưu truyền dân gian như dân ca, tục ngữ, thần thoại, sử thi dân tộc.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung khảo sát ba kiểu không gian văn hóa đặc sắc trong hệ thống truyện ngắn về đề tài miền núi của Ma Văn Kháng: không gian phong tục, sinh hoạt văn hóa dân gian, không gian tâm linh – tín ngưỡng, và không gian thiên nhiên, nhằm làm rõ vai trò của yếu tố dân gian trong việc kiến tạo nên giá trị thẩm mỹ, nhân văn và bản sắc dân tộc cho tác phẩm.

Bảng thống kê những tác phẩm truyện ngắn viết về đề tài miền núi của Ma Văn Kháng

STT	Tên truyện	Nhân vật chính – Dân tộc	Địa danh / Không gian	Yếu tố văn hóa dân gian
1	<i>Vệ sĩ của Quan Châu</i>	Khun - Nhiều dân tộc: Kinh, Hoa, Giáy, Tày	Miền núi thời phong kiến	Trang phục dân tộc; tên gọi, đặc sản, sản vật.
2	<i>Móng vuốt thời gian</i>	Sề Sào Lìn – thổ ty – Chín sắc tộc khác nhau: Hoa, Mèo, Tày, Giáy, Thái, Pa Dí,..	Xứ Giáy	Thành ngữ dân gian, đa tộc hôn nhân, gia đình truyền thống
3	<i>Hoa gạo đỏ</i>	Ông Lý A Lừ – người U Ní	Làng San Cha Chải	Hình tượng cây thiêng; biểu tượng biên giới và lao động

STT	Tên truyện	Nhân vật chính – Dân tộc	Địa danh / Không gian	Yếu tố văn hóa dân gian
4	<i>Người thợ bạc ở phố cũ</i>	Ông Chư – người Xạ Phang	Pa Kha – Lào Cai	Nghề thủ công truyền thống; phong tục cưới
5	<i>Mã Đại Câu, người quét chợ Mường Cang</i>	Mã Đại Câu – người Hán	Mường Cang	Không gian chợ vùng cao; người lao động bình dân
6	<i>Giàng Tả, kẻ lang thang</i>	Giàng Tả – người Hà Nhì	Y Tý	Tập tục gùi băng trán; truyền thống sinh tồn
7	<i>Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường</i>	Seo Ly – người Mông	Một tỉnh miền núi xa xôi	Hôn nhân, tính cách, vẻ đẹp người phụ nữ vùng cao
8	<i>Thím Hóong</i>	Thím Hóong – người Hoa kiều	Thị trấn biên giới phía Bắc	Sinh hoạt người Hoa ở vùng cao
9	<i>Cổ Vinh, người xa lạ</i>	Cổ Vinh (cha đạo) Sùng Sừ – người Mông	Làng người Mông	Tín ngưỡng dân gian; xung đột văn hóa
10	<i>San Cha Chải</i>	Thầy mo Chúng – người Mông	San Cha Chải	Tín ngưỡng bản địa; vai trò thầy mo

STT	Tên truyện	Nhân vật chính – Dân tộc	Địa danh / Không gian	Yếu tố văn hóa dân gian
11	<i>Ngựa bất kham</i>	Lý A Phênh – người Xạ Phang	Thôn Seo Chải, Chợ Pha Linh	Âm thực: bếp thắp cô; sinh hoạt chợ phiên
12	<i>Ngày hội phố phường</i>	Lò Văn Yên – người Giáy	Đa sắc tộc: Hoa, Giáy, Mông, Tày, .	Lễ hội vùng cao
13	<i>Vùng sâu vùng xa</i>	Liêu, Phin – người Tày	Phiềng La	Phong tục ẩm thực, đặc sản củ mài; thành ngữ dân gian
17	<i>Dưới những bóng cau</i>	Hòa – người Kinh	Làng Dạ, làng đồng bào của dân tộc Tày	Nhà sàn, cầu gỗ, trang phục dân tộc, tên người Tày
18	<i>Hạng A Tráng</i>	Hạng A Tráng – người Mông	Y Lìn Hồ, chân núi Hoàng Liên Sơn	Miêu tả lao động; vẻ đẹp toàn diện từ ngoại hình đến phẩm chất tinh thần của người đàn ông miền núi.
19	<i>Bài ca Trắng sáng</i>	Ông Chấn Khu, chị Seo Chín, bé Seo Chính – người Phù Lá	Thôn Túng Sếng Sui – cao nguyên Pa Kha	Lễ hội A-tha-chin-đơ, dân ca Trắng sáng, tín ngưỡng, làng nghề truyền thống

STT	Tên truyện	Nhân vật chính – Dân tộc	Địa danh / Không gian	Yếu tố văn hóa dân gian
20	<i>Mùa gặt ở Na Lin</i>	Dìn – người Tày	Làng Tày Na Lin	Sinh hoạt mùa gặt, tín ngưỡng
21	<i>Vợ chồng Mìn và những đứa con</i>	Coi và chồng, tên Mìn – người Tày	Làng Dạ	Gia đình vùng cao; sinh hoạt nông nghiệp, tục lệ
22	<i>Bên bờ suối Vạch</i>	Quang và vợ, chị Va – người Tày	Bên bờ con suối Vạch	Cối nước, con suối – biểu tượng tình yêu và sinh hoạt, trang phục, lối sống sinh hoạt
23	<i>Mùa săn ở Na Le</i>	Ông cụ Phù, Quân – người Giáy	Bản Na Le – dưới chân dãy Hoàng Liên Sơn	Truyện dân gian – tình hổ; dũng sĩ tiêu diệt yêu quái
24	<i>Người khách kỳ dị</i>	Giàng A Tổng – người Mông	Về quê ở Lào Cai	Tín ngưỡng tang ma, tâm linh gắn với đạo lý

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Không gian phong tục và sinh hoạt văn hóa dân gian miền núi trong truyện ngắn Ma Văn Kháng

Không gian sinh hoạt thường nhật và nghề thủ công truyền thống của đồng bào miền núi được Ma Văn Kháng tái hiện với sự am hiểu và quan sát tinh tế, giúp người đọc hình dung rõ đời sống lao động gắn bó với thiên nhiên và phong tục tập quán đặc trưng.

Trong truyện *Người thợ bạc ở phố cũ*, Ma Văn Kháng khắc họa rõ nét không gian lao động thủ công gắn liền với đời sống cưới hỏi và văn hóa trang sức của người Xạ Phang và các dân tộc vùng cao Lào Cai. Nhân vật ông lão Chư – một người thợ bạc già – hiện lên không chỉ như nghệ nhân lành nghề, mà còn là người lưu giữ những giá trị truyền thống. Tác phẩm phản ánh phong tục cưới xin qua việc cô gái đặt làm vòng tay, vòng cổ, xà tích bạc để làm sính lễ cưới – biểu tượng của sự giàu sang và tín ngưỡng bảo hộ. Bạc được xem là “thần hộ mệnh”, “vuốt hỏ trấn yên ma quái”, cho thấy niềm tin dân gian về trang sức như một thứ bùa trừ tà.

Cũng trong truyện này, không gian chợ biên giới và hình ảnh hợp tác xã “Rèn – Đúc” quy tụ thợ người Mông, Dao, Hà Nhì... đã tái hiện một mô hình lao động tập thể đặc sắc mang màu sắc vùng cao. Ánh lửa lò rèn, tiếng búa đập, và dáng người thợ rắn chắc tạo nên một nhịp sống gắn liền với truyền thống thủ công có từ lâu đời.

Không gian sinh hoạt thường nhật của đồng bào miền núi trong truyện ngắn Ma Văn Kháng còn hiện lên rõ nét qua hoạt động canh tác, trồng trọt – những công việc gắn bó sâu sắc với đời sống nông nghiệp tự cung tự cấp của cư dân vùng cao. Các phương thức canh tác truyền thống như chọc lỗ tra hạt, cày ruộng bậc thang, làm nương rẫy,... vừa phản ánh sự thích nghi khéo léo của con người với địa hình hiểm trở, vừa mang đậm màu sắc văn hóa dân gian lâu đời.

Trong truyện *Bài ca Trăng sáng*, hoạt động chọc lỗ gieo hạt bắp của người Mông được miêu tả một cách cụ thể, giàu tính biểu cảm: “...Dùng con dao phát, dao phát mòn thì làm thành thuổng, thuổng mòn thì làm con dao bài vót mây, dao vót mòn thì làm thành cái dùi chọc lỗ thả bắp trên nương” [8, tr.55]. Gieo hạt không chỉ là hành vi sản xuất mà còn là một phần trong chuỗi sinh hoạt gắn với tín ngưỡng nông nghiệp – nơi thiên nhiên, con người và mùa màng hòa quyện vào nhau. Cách trồng bắp trên nương cao thể hiện sự kiên nhẫn, sự cần cù cũng như tri thức bản địa quý giá được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Tương tự, trong truyện *Hạng A Tráng*, tác giả tái hiện sinh động cảnh nhân vật A Tráng cày ruộng bậc thang – một hình thức canh tác độc đáo của người vùng cao: “Một tay A Tráng cầm đốc cày. Một tay A Tráng dong chạc trâu, vừa điều khiển con trâu vừa giật bằng những cái giật đặc hiệu...Đất trong ruộng chỗ rắn chỗ mùn. Lưỡi cày phải không ngoan, phải biết chỗ nông chỗ sâu, lại phải biết giữa xá sau xá trước liền kề nhau, không để lòi đất” [8, tr.34]. Đó là hình ảnh chàng trai A Tráng người mông với những đường cày đều luyện trên ruộng bậc thang, một hình thức canh tác phổ biến trên vùng rẻo cao. Đó không chỉ là hình ảnh lao động mà còn là biểu tượng cho mối liên kết máu thịt giữa con người với núi đồi, với đất đai. Việc cày ruộng không chỉ đơn thuần để kiếm sống mà còn phản ánh khát vọng gắn bó và dựng xây quê hương – điều thể hiện rõ qua tâm trạng lặng thầm, kiên nhẫn của A Tráng khi trở lại bản làng sau những biến động.

Hai hình thức canh tác – một trên nương cao, một dưới ruộng bậc thang – không chỉ phản ánh sự phong phú trong phương thức lao động mà còn gợi mở chiều sâu văn hóa của các tộc người miền núi. Chúng minh chứng cho tinh thần lao động bền bỉ, sáng tạo và gắn bó với thiên nhiên trong tư duy sản xuất nông nghiệp cổ truyền.

Hay khi ta dõi theo bước chân của anh chàng người Hà Nhì–Giàng Tả trong *Giàng Tả, kẻ lang thang* đi làm thuê: “ Giàng Tả đến làng Mông Thèn Pả dẫn gỗ thuê, qua làng Dao Đồng Tuyển chặt nửa mướn. Rồi phát nương cho người Xá, phá ruộng cho người Thái, khai nương cho người Tày.” [6, tr.61]. Như vậy dấu vết lao động của anh chàng người Hà Nhì này lưu dấu ở đâu thì ta cũng được ngòi bút Ma Văn Kháng dẫn đi chỉ dọc đường vùng cao những phương thức canh tác và đời sống lao động sinh hoạt của họ tới đây.

Từ đó có thể thấy, Ma Văn Kháng không đơn thuần phản ánh hiện thực lao động miền núi, mà còn phục dựng một cách sinh động không gian văn hóa dân gian gắn liền với đất đai, mùa vụ, tập quán sản xuất và cả tâm thức dân tộc. Dưới ngòi bút ông, mỗi động tác canh tác đều thấm đẫm hồn vía văn hóa bản địa – nơi con người hiện diện không chỉ như chủ thể sản xuất mà còn như người gìn giữ, lưu truyền những tri thức bản địa quý báu từ đời này sang đời khác.

Bên cạnh đó, những nghề truyền thống như làm bạc, đan lát, dệt vải, làm hương... cũng được nhà văn tái hiện như những biểu tượng văn hóa bền vững, kết tinh từ lao động thủ công và tri thức dân gian. Chúng không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt mà còn gắn liền với các nghi lễ, phong tục – từ cưới hỏi, cúng tế đến lễ hội bản làng – qua đó khắc sâu dấu ấn văn hóa trong từng sản phẩm thủ công. Những nghề ấy thường được truyền qua nhiều thế hệ, trở thành một phần trong căn tính văn hóa dân tộc, đồng thời thể hiện sự tài hoa, tinh tế của con người miền núi trong cách họ tạo ra và lưu giữ cái đẹp giữa đời sống thường nhật. Chính trong không gian của những nghề thủ công truyền thống, Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Bài ca trắng sáng*, tác giả khắc họa sinh hoạt của người dân bản qua các công việc hàng ngày như làm mộc, đan lát, xây dựng nhà cửa, vốn là những nghề thủ công phổ biến của người Tày, người Nùng. Người đàn ông trong bản không chỉ là những người nông dân làm nương rẫy, mà còn là những nghệ nhân mộc khéo léo, có thể dựng nhà, đan sọt, đóng bàn ghế,... bằng tay nghề truyền thống cha truyền con nối. Những hình ảnh như “gác nứa”, “dựng cột”, “bện dây mây” không chỉ là chi tiết tả thực mà còn gợi mở chiều sâu văn hóa về sự khéo léo, cần cù và gắn bó với vật liệu bản địa.

Tương tự, trong truyện *Mùa săn ở Na Le*, Ma Văn Kháng đưa người đọc bước vào không gian làng bản Na Le, nơi nghề làm hương truyền thống được lưu giữ như một nét đẹp văn hóa của người dân tộc. Nhân vật cô Phùng và người mẹ trong truyện sống bằng nghề làm hương: “ Hằng ngày họ đi rừng lấy gỗ cây trầm, gỗ long não, lá dứa về sao chế, giã nát ,trộn vào nhau,lăn thành từng que hương” [5, tr.31]. Mùi hương lan tỏa trong

không gian rừng núi gợi một cảm thức vừa thiêng liêng vừa thân thuộc, cho thấy sự hòa quyện giữa lao động thủ công và đời sống tâm linh của đồng bào miền núi. Công việc làm hương không chỉ phục vụ nhu cầu tín ngưỡng mà còn là

Những nghề thủ công ấy không tồn tại đơn lẻ mà gắn bó mật thiết với nhịp sống, với lễ tục và sinh hoạt cộng đồng. Qua cách khắc họa sinh hoạt thường nhật và lao động truyền thống, Ma Văn Kháng không chỉ dựng lại chân dung sống động của bản làng miền núi mà còn góp phần lưu giữ, tôn vinh vẻ đẹp văn hóa dân gian đang dần bị khuất lấp.

2.2. Văn hóa ẩm thực và chợ phiên vùng cao

Văn hóa ẩm thực: sự kết tinh giữa “ẩm” và “thực”

Ẩm thực là một phương diện văn hóa đặc sắc được Ma Văn Kháng tái hiện sống động trong nhiều truyện ngắn. Trong đó, ông không chỉ khắc họa “thực” – các món ăn đặc trưng, mà còn khai thác sâu sắc yếu tố “ẩm” – những thức uống truyền thống gắn với phong tục và đời sống cộng đồng miền núi. Trong truyện *Một mình một ngựa*, hình ảnh nhân vật được mời ăn “mèn mén chan nước xương hầm, uống rượu ngô cay nồng” thể hiện lối sống mộc mạc nhưng đậm đà bản sắc địa phương. Những món ăn dân dã ấy không chỉ đơn thuần để no bụng mà còn là biểu hiện của lòng hiếu khách, sự sẻ chia và gắn kết cộng đồng trong các dịp lễ tết, cưới hỏi. Cũng trong *Bài ca trắng sáng*, một bữa cơm thịnh tình được mô tả: “Bữa cơm khách ăn sớm hơn thường lệ có rau cải non, ngọn đu đủ, rau dấp và hai bát ớt đầy – những món ăn không thể thiếu của người Phù Lá” [8, tr.53]. Đây là hình ảnh về sự giản dị mà nồng hậu trong phong cách tiếp khách của người miền núi. Về “ẩm”, Ma Văn Kháng dành nhiều tình cảm cho đặc sản rượu ngô – một loại rượu mang tính biểu tượng cho hương vị của núi rừng Tây Bắc.

Nổi bật hơn cả là chi tiết trong *San Cha Chải*, nơi đặc sản rượu ngô trở thành biểu tượng của tinh hoa đất trời: “Rượu này một chén ba ngày say xỉn, chỉ còn biết lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu... Rượu này rơi một giọt xuống đất, giun người phải say lử đừ.” [6, tr.461]

Lời của Mo Chùng: “Rượu này được thể vì ngô ở đây bầm thụ khí trời thanh cao, vì nước nguồn chảy ra từ long đất sâu thanh khiết, vì người nấu, người chuyên nước chưa vong thân.” [6, tr.461] – không chỉ là một sự mô tả sinh động mà còn nâng ẩm thực lên tầm văn hóa tâm linh, biểu đạt tình yêu quê hương và sự gắn bó với thiên nhiên. Đặc biệt, trong *Người thợ bạc ở phố cũ*, yếu tố ẩm thực được gắn kết chặt chẽ với phong tục cưới hỏi. Đám cưới cô gái Tày được mô tả: “Có bánh chưng, bánh giầy. Có bài hát thách đố. Cô dâu đi hài thêu chỉ ngũ sắc, mặc áo vóc hồng, thắt lưng hoa lý, óng ánh vòng bạc cổ tay, khuyên bạc đuôi tai, xà tích bên sườn...” Ẩm thực trong thế giới truyện của Ma Văn

Kháng không chỉ là nhu cầu vật chất, mà còn là không gian để thể hiện văn hóa bản địa, tình người và vẻ đẹp phong tục cổ truyền.

Không gian văn hóa chợ phiên không chỉ là nơi trao đổi hàng hóa, mà còn là trung tâm văn hóa, nơi gặp gỡ, giao lưu, thể hiện đời sống vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng. Những đặc sản vùng cao như ngô, rượu, thắng cố, bạc trắng... đều mang đặc trưng văn hóa lâu đời của từng dân tộc.

Hình ảnh không gian phiên chợ vùng cao với những nét đặc trưng hiện lên đậm nét trong truyện *Ngựa bất kham* Tại chợ Pha Linh, hình ảnh bếp thắng cố, rượu ngô, thịt dê, cùng hồn âm tiếng nói, tiếng gọi rượu hòa trong men say đã vẽ nên một cảnh sinh hoạt chợ miền núi sống động. Rượu ở đây không chỉ là thức uống mà là biểu tượng văn hóa: “Rượu tôi không là con hoang. Một chén thì mặt hoa hồng. Chén hai hoa vòng, chén ba hoa gạo”[5, tr.149] – cách ví von đậm chất dân gian cho thấy sự tinh tế trong khẩu ngữ của đồng bào dân tộc.

Không gian văn hóa dân gian miền núi trong truyện ngắn Ma Văn Kháng không phải là một không gian tĩnh tại mà luôn có sự giao thoa và biến đổi. Sự tiếp nhận cái mới: Dù gìn giữ những nét văn hóa cổ xưa, người dân miền núi trong truyện của Ma Văn Kháng vẫn có sự tiếp nhận cái mới, đặc biệt là những ảnh hưởng từ cuộc sống miền xuôi và những thay đổi của thời cuộc. Điều này tạo nên những xung đột, những trăn trở nhưng cũng mở ra những hướng đi mới cho cuộc sống. Vấn đề bảo tồn và phát triển: Qua các tác phẩm của mình, Ma Văn Kháng dường như cũng đặt ra câu hỏi về việc làm sao để bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc miền núi trong bối cảnh xã hội hiện đại đang không ngừng phát triển. Nhìn chung, không gian văn hóa dân gian miền núi trong truyện ngắn Ma Văn Kháng là một bức tranh đa chiều, vừa hùng vĩ, hoang sơ, vừa đậm đà bản sắc, vừa có những nét truyền thống nhưng cũng không ngừng biến đổi. Ông đã thành công trong việc đưa người đọc đến gần hơn với cuộc sống và tâm hồn của những con người nơi biên ải, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc.

2.3. Không gian tâm linh – tín ngưỡng

Yếu tố tâm linh là một chiều kích quan trọng trong thế giới nghệ thuật của Ma Văn Kháng. Các biểu tượng như cây rừng thiêng, hang núi, bến nước, bãi tha ma... không chỉ có ý nghĩa vật chất mà còn mang tính linh thiêng – nơi trú ngụ của các thể lực siêu nhiên. Tín ngưỡng dân gian được thể hiện không theo lối miêu tả thần bí mà gắn liền với quan niệm sống, đạo lý, cách cư xử của con người vùng cao. Đây là biểu hiện rõ nét của một loại “văn hóa tâm linh bản địa” – điều mà văn học đương đại hiếm khi chạm đến một cách sâu sắc như ở Ma Văn Kháng. Trong truyện *Mùa gặt ở Na Lin*, người dân thờ thần lúa; ở nhiều truyện khác, phong tục cúng bái, gọi thầy mo khi đau ốm, dâng lễ vật cầu may...

được phản ánh sâu sắc, cho thấy ảnh hưởng lớn của tín ngưỡng dân gian trong đời sống miền núi.

Không gian tâm linh – tín ngưỡng trong truyện ngắn Ma Văn Kháng không chỉ là khung cảnh huyền ảo mang tính chất văn hóa bản địa, mà còn phản ánh một thế giới quan đặc biệt của các dân tộc miền núi – nơi con người sống hài hòa với thiên nhiên và thần linh. Niềm tin vào thế giới siêu nhiên, vào ma, thần, linh hồn tổ tiên... hiện diện phổ biến trong đời sống người dân vùng cao, được nhà văn tái hiện chân thực và đầy thấu cảm trong nhiều tác phẩm.

Ma Văn Kháng không dừng lại ở việc kể chuyện mà còn xây dựng những biểu tượng thiêng cho không gian tâm linh. Trong *Móng vuốt thời gian*, lâu đài của Thổ Ty Sẻ Sào Lín không chỉ là dinh thự quyền lực mà còn như “thế giới tĩnh tại” của các linh hồn tổ tiên. Những đồ vật gợi nhắc như kiếm thờ, đám ma, gia phả... đều mang tính biểu tượng linh thiêng. Chi tiết “giải mộng, điếm báo” về tổ tiên – cho thấy mối liên hệ sâu sắc giữa các thế hệ và niềm tin tâm linh trong hệ giá trị cũ.

Tín ngưỡng trong truyện ngắn Ma Văn Kháng không phải là yếu tố trang trí mà là chất liệu trung tâm để xây dựng thế giới nghệ thuật – một thế giới nơi người sống và người chết, con người và thần linh, quá khứ và hiện tại cùng tồn tại trong trạng thái linh thiêng – mơ hồ – chân thực.

2.4. Không gian thiên nhiên và biểu tượng

Không gian thiên nhiên trong truyện ngắn Ma Văn Kháng viết về đề tài miền núi là một cấu trúc biểu tượng mang tính dân gian rõ nét. Thiên nhiên không chỉ là địa lý, mà là “người đồng hành”, “nhân vật sống”, nơi lưu giữ ký ức cộng đồng, phản ánh quan hệ của con người miền núi với thế giới tự nhiên từ góc nhìn văn hóa dân gian. Trong thế giới nghệ thuật của Ma Văn Kháng, thiên nhiên là nơi trú ngụ của hồn dân tộc – nơi mà phong tục, tín ngưỡng và đời sống tinh thần gắn bó với nhau chặt chẽ.

2.4.1. Thiên nhiên như một thực thể sống, nơi lưu giữ, bảo tồn văn hóa

Nhiều truyện ngắn của Ma Văn Kháng tái hiện thiên nhiên như một thực thể có linh hồn, có cảm xúc, đậm chất dân gian. Trong *Hoa gạo đỏ*, cây hoa gạo nơi biên cương Tổ quốc không chỉ là một loài cây, mà là biểu tượng thiêng liêng cho quê hương, cho sự gắn bó máu thịt với đất trời. Hình ảnh “*hoa gạo rừng rực cháy đỏ một vệt dài tím tắp*” [6, tr.251] nơi biên giới khiến người đọc liên tưởng đến hình ảnh người lính, người lao động vùng cao – kiên cường, bền bỉ, cắm rễ sâu, bám trụ nơi đất mẹ dầu hiểm trở, khó nhọc. Cây gạo trong dân gian thường gắn với hồn ma, với những câu chuyện huyền ảo, yêu tinh, trăn yểm, nhưng ở đây lại mang sắc thái mới: là mốc biên cương, là điểm tựa tâm linh. Thiên

nhiên được nhân hóa, linh thiêng hóa, biểu tượng hóa trở thành nơi neo đậu, dấu hiệu gắn liền với ký ức lịch sử và văn hóa dân tộc.

Đặc biệt, truyện *Bên bờ suối Vạch* mang đến một hình ảnh tiêu biểu của thiên nhiên trong đời sống sinh hoạt cộng đồng người miền núi – đó là cối nước đặt ven suối. Hình ảnh chiếc cối nước quen thuộc cùng không gian bờ suối đã trở thành biểu tượng giàu tính văn hóa, biểu trưng cho mối giao hòa giữa thiên nhiên – con người – lịch sử. Chiếc cối nước đơn sơ ấy là công cụ truyền thống sử dụng sức nước để giã gạo, phổ biến trong đời sống của các dân tộc miền núi như Tày, Nùng, Dao... Không chỉ mang ý nghĩa thực dụng, chiếc cối nước còn gợi lên một không gian sinh hoạt mộc mạc, nơi con người sống chan hòa với thiên nhiên, dựa vào núi rừng và nguồn nước để tồn tại và phát triển – những yếu tố sống còn trong đời sống cộng đồng miền núi. Âm thanh “thậm thịch của cối gạo” không đơn thuần là mô tả âm thanh, mà còn là nhịp điệu đời sống dân dã, là tiếng vọng sâu xa của văn hóa bản làng truyền đời. Nó gợi nên một thế giới vừa cụ thể vừa biểu cảm, nơi con người hiện lên trong sự đồng điệu với thiên nhiên, với nếp sống truyền thống mang đậm dấu ấn văn hóa dân gian.

Hình ảnh hoa gạo, cối nước – tưởng như vô tri – lại trở thành nhân chứng của đời sống, nhịp xoay của nó như tiếng thì thầm của núi rừng, gắn kết các thế hệ người vùng cao trong mạch chảy văn hóa dân gian bền vững. Ở đây, thiên nhiên không chỉ là không gian sinh sống mà chính là một thành tố văn hóa, nơi con người và tạo vật hòa nhập, sống theo nhịp điệu của đất trời. Nhà văn không chỉ miêu tả thiên nhiên như một phong cảnh, mà như một thực thể có linh hồn, ẩn chứa triết lý sống truyền thống của các dân tộc thiểu số.

2.4.2. Thiên nhiên mang yếu tố biểu tượng

Trong *Ngựa bắt kham*, con đường núi quanh co – nơi nhân vật Phênh lao theo con ngựa hoang – là biểu tượng cho số phận con người vùng cao trước thiên nhiên và định mệnh. Trận bão lớn bất ngờ đổ xuống là biểu hiện của “trời phạt”, mang yếu tố linh ứng dân gian. Thiên nhiên ở đây trở nên thần bí – khắc nghiệt – nhưng đồng thời cũng là tiếng nói của đạo lý, của sự cân bằng giữa con người và trời đất.

Thiên nhiên không chỉ là khung cảnh mà trở thành một thực thể có linh hồn, hàm chứa trong mình những ý nghĩa biểu trưng. Trong *Bên bờ suối Vạch*, dòng suối nơi hai vợ chồng gặp nhau, bên chiếc cối nước, chính là hình ảnh giàu chất dân gian: suối nước là nơi kết duyên, nơi linh khí tụ hội. Cối nước quay đều không chỉ gợi sự trôi chảy của thời gian, mà còn biểu tượng cho vòng quay sinh tồn, cho tình yêu đôi lứa được gắn kết từ nhịp sống của đất trời.

Trong *Móng vuốt thời gian*, thiên nhiên trở thành không gian thiêng liêng mà con người phải tôn kính. “*Vùng rừng cấm*” là hiện thân của niềm tin tín ngưỡng dân gian – nơi “thần rừng Đoong Xía” ngự trị. Khi người bản bị ép đốt rừng cấm lấy củi, điều đó

không chỉ là hành vi phản sinh thái mà còn bị xem là sự báng bổ thần linh, dẫn đến nỗi sợ hãi bao trùm cộng đồng. Không gian rừng, với “vùng đồng thấp trơ trụi” và cảnh “khói từ lò nấu bốc lên ngày một đen đặc, u mờ cả trang ấp”, trở thành hình ảnh biểu tượng cho sự đứt gãy trong niềm tin và báo hiệu về sự thay đổi trong tâm linh cổ truyền.

Trong *San Cha Chải*, thiên nhiên hiện lên như một không gian linh thiêng giao hòa giữa trời – đất – con người. Chi tiết giếng nước được thầy mo Chúng ví như báu vật của núi rừng, là nơi chứa đựng tinh khí đất trời. Ông cho rằng “nước ở San Cha Chải quý lắm” [6, tr.461], không chỉ dùng để uống mà còn để gột rửa tâm tâm, mang ý nghĩa thanh lọc và linh hóa. Hình ảnh “cái giếng còn là cái gương để soi, lòng nó trong vắt nên soi cái gì cũng tỏ” không chỉ gợi cảm giác thanh sạch, tĩnh tại mà còn gợi liên tưởng đến cái nhìn huyền thoại và tâm linh về thiên nhiên. Thiên nhiên trong truyện không chỉ hiện hữu dưới dạng vật chất mà còn mang chức năng phản chiếu nội tâm, soi chiếu “chân – thiện – mỹ”, giúp con người sống hòa hợp với đạo lý và trật tự vũ trụ. Ngay cả rượu ngô – một sản vật của núi rừng – cũng được nâng tầm biểu tượng. Câu nói dân gian “*roi một giọt xuống đất, giun người cũng phải say lử đừ*” không chỉ là phóng đại mà còn biểu thị cái nhìn linh thiêng đối với sản phẩm kết tinh từ đất trời và bàn tay con người.

Như vậy có thể thấy, thiên nhiên trong truyện ngắn Ma Văn Kháng mang đậm chất văn hóa tâm linh dân gian, là một “nhân vật” thiêng liêng, là biểu tượng sống động cho truyền thống, niềm tin và cội nguồn bản sắc dân tộc anh em: đa dạng, đa sắc màu và đậm đà phong vị, màu sắc văn hóa dân gian. Cái nhìn của nhà văn về thiên nhiên không chỉ phản ánh ý thức sinh thái mà còn chứa đựng một triết lý nhân văn sâu sắc – khẳng định sự hòa hợp giữa con người và vũ trụ là nền tảng của một đời sống cộng đồng bền vững.

2.4.3. Tư duy không gian dân gian và cấu trúc bản làng

Từ xa xưa, các dân tộc thiểu số đã quần cư thành làng bản, hình thành nên thiết chế cộng đồng bền chặt và phát triển những không gian văn hóa mang đậm bản sắc riêng. Trong quá trình sinh tồn và phát triển, đồng bào đã sáng tạo, lưu giữ và truyền nối qua nhiều thế hệ các giá trị truyền thống quý báu như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tri thức dân gian, kiến trúc nhà ở, trang phục truyền thống... Những giá trị ấy không chỉ phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên, mà còn được gìn giữ trong một môi trường văn hóa đặc thù – nơi có sự gắn kết chặt chẽ giữa các thành viên cộng đồng cùng chung tín ngưỡng, cùng chia sẻ những hệ giá trị và biểu tượng thiêng liêng của dân tộc mình.

Trong nhiều truyện ngắn như *Dưới những bóng cau*, *Vùng sâu vùng xa*, *Vợ chồng Mìn và những đứa con*, *Bên bờ suối Vạch*..., Ma Văn Kháng tái hiện chi tiết cấu trúc không gian bản làng của các dân tộc miền núi phía Bắc. Nhà văn cho thấy cách bố trí nhà sàn theo hướng gió, hướng suối; vị trí của cây thiêng, bãi đá tổ tiên hay chiếc cối nước –

những chi tiết phản ánh tư duy không gian mang đậm tính dân gian, nơi thiên nhiên và con người cùng tồn tại trong mối quan hệ hòa hợp, linh thiêng.

Chẳng hạn, trong truyện *Dưới những bóng cau*, không gian bản làng hiện lên như một cấu trúc có trật tự, nơi mỗi vị trí, mỗi vật thể đều hàm chứa dấu tích văn hóa: từ hàng cau, nếp nhà sàn đến ngã đường bản, bến nước. Đặc biệt, trong *Hạng A Tráng*, tác giả miêu tả cảnh nhân vật đi cày trên ruộng bậc thang – không gian sống gắn với núi đồi, gió sương, nơi lao động vừa là tồn tại, vừa là lễ nghi hòa nhập vào đất trời. Chi tiết “dòng họ người Mông đã định cư ở chân núi Hoàng Liên Sơn hai trăm năm” không chỉ phản ánh sự bền chặt trong mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, mà còn cho thấy bản làng – không gian cư trú – chính là nơi kết tinh nếp sống, tập quán và ký ức cộng đồng của cư dân miền núi.

Trong truyện ngắn Ma Văn Kháng viết về đề tài miền núi, không gian bản làng không đơn thuần mang đậm ảnh hưởng của tư duy dân gian: gắn bó chặt chẽ với tự nhiên, tổ chức đời sống theo địa hình, khí hậu và quy luật cộng đồng. Nhiều truyện ngắn như *San Cha Chải*, *Na Lin*, *Na Le*, *Y Lìn Hồ*, *Mường Cang*, *Pa Kha*,... tái hiện cấu trúc làng bản miền núi với những yếu tố quen thuộc như chân núi, bờ suối, nương rẫy, nhà sàn, chợ phiên. Đây là những không gian sống mang tính biểu tượng, thể hiện mối quan hệ hữu cơ giữa con người và tự nhiên.

Từ những biểu hiện trên, có thể nhận thấy Ma Văn Kháng đã xây dựng một hệ thống không gian giàu chất dân gian, góp phần tái hiện thế giới tinh thần và bản sắc cộng đồng miền núi một cách chân thực và sinh động. Không gian trong truyện không trung tính mà có tính biểu cảm và biểu tượng cao, phản ánh quan niệm sống thuận theo tự nhiên và cấu trúc cộng đồng của người dân miền núi phía Bắc. Tư duy không gian dân gian vì thế trở thành một yếu tố quan trọng làm nên chiều sâu văn hóa trong thế giới nghệ thuật của Ma Văn Kháng.

Không gian bản làng trong văn Ma Văn Kháng không đơn thuần là phong nền, mà là một không gian sống động, có linh hồn, quy định nếp nghĩ, cách ứng xử của con người miền núi. Những chi tiết như chiếc cối nước bên suối trong Bài ca *Trăng sáng*, hay hình ảnh căn nhà sàn ẩm cúng, bếp lửa, khói bếp... đều góp phần tái hiện một thế giới sống thuận theo tự nhiên, nơi con người sống hài hòa với đất trời, rừng núi. Điều đó phản ánh tư duy địa phương hoá không gian – tư duy đặc trưng trong văn hóa dân gian. Việc tái hiện cấu trúc bản làng và đời sống sinh hoạt gắn với thiên nhiên không chỉ là lựa chọn nghệ thuật, mà còn là cách Ma Văn Kháng đưa thực tế cuộc sống vào trong tác phẩm. Ông không lý tưởng hóa không gian dân gian, mà khai thác nó như một mã văn hóa mang tính biểu tượng và ký ức. Cái nhìn ấy cho thấy sự thấu hiểu sâu sắc về đời sống đồng bào,

đồng thời góp phần bảo tồn một thế giới văn hóa đang mai một dần dưới sức ép của hiện đại hóa.

3. KẾT LUẬN

Không gian văn hóa dân gian miền núi trong truyện ngắn Ma Văn Kháng là một hệ thống đa tầng, đa nghĩa, góp phần tạo nên chiều sâu thẩm mỹ và bản sắc riêng cho thế giới nghệ thuật của ông. Qua ba bình diện chính – không gian phong tục và sinh hoạt văn hóa dân gian, không gian tâm linh – tín ngưỡng và không gian thiên nhiên – nhà văn đã khéo léo tái hiện đời sống tinh thần phong phú, sinh động của các cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

Không gian phong tục được biểu hiện qua sinh hoạt hằng ngày, nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực, cấu trúc gia đình – dòng tộc và ngôn ngữ dân tộc. Không gian tâm linh thể hiện rõ trong niềm tin vào thế giới siêu nhiên, lễ nghi cổ truyền, các biểu tượng tín ngưỡng dân gian như thầy mo, lễ hội, ma rừng, thần núi. Trong khi đó, không gian thiên nhiên không chỉ là bối cảnh địa lý mà còn là chủ thể văn hóa – vừa hiện thực, vừa linh thiêng, nơi con người gắn bó, thờ phụng và tiếp nhận cảm hứng sáng tạo dân gian.

Qua việc tái hiện những không gian này, Ma Văn Kháng không đơn thuần phản ánh thực tế miền núi, mà còn tái tạo cả một thế giới quan dân tộc, mang đậm màu sắc văn hóa dân gian bản địa. Ông không lý tưởng hóa nhưng cũng không phủ định; thay vào đó, nhà văn thể hiện một thái độ trân trọng và nhân văn với những giá trị truyền thống, những niềm tin bản nguyên và tâm hồn dân tộc qua lăng kính hiện thực đời sống. Từ góc nhìn văn hóa học, có thể khẳng định: không gian văn hóa dân gian trong truyện ngắn Ma Văn Kháng không chỉ là yếu tố nền mà là nhân tố thẩm mỹ chủ đạo, giúp nhà văn không chỉ kể chuyện về con người miền núi, mà còn khắc họa được bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam trong tiến trình hiện đại hóa.

Trong sáng tác của Ma Văn Kháng, miền núi phía Bắc không chỉ là bối cảnh địa lý mà còn là không gian cảm hứng nghệ thuật, nơi chứa đựng bao tầng vĩa của đời sống văn hóa, tinh thần và xã hội. Những bản làng heo hút giữa đại ngàn, những cung đường uốn lượn quanh co, những rừng núi mây phủ, rừng thẳm suối nguồn – tất cả đều góp phần tạo nên một thế giới vừa thực vừa huyền ảo, thấm đẫm chất thơ. Không gian ấy không chỉ gợi mở chất sử thi và chất trữ tình đặc trưng, mà còn là nơi để nhà văn tái hiện đời sống con người vùng cao với bao biến động, thử thách trong quá trình tiếp xúc với văn minh hiện đại. Không gian miền núi trong truyện ngắn Ma Văn Kháng không chỉ là khung cảnh sống, mà là một chỉnh thể văn hóa – nơi gắn kết con người với thiên nhiên, với tổ tiên và với cộng đồng. Văn hóa dân gian miền núi, từ tín ngưỡng, ẩm thực, phong tục cho đến

cách nghĩ, cách sống, đã tạo nên một nền tảng để Ma Văn Kháng khai thác sâu sắc những bi kịch, khát vọng, và vẻ đẹp tâm hồn của con người vùng cao. Từ đó, truyện ngắn của ông không chỉ có giá trị thẩm mỹ mà còn là những tư liệu quý giá về văn hóa dân tộc, góp phần bảo tồn và lan tỏa bản sắc miền núi phía Bắc trong đời sống tinh thần dân tộc Việt Nam hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Tuyên - Hoàng Thu Phòng (sưu tầm và tuyển chọn) (2018), *Ma Văn Kháng về tác giả tác phẩm*, NXB Đại học Sư phạm
2. Lê Nguyên Cẩn (2014), *Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia.
3. Ma Văn Kháng (2013), *Phút giây huyền diệu*, NXB Hội Nhà văn.
4. Ma Văn Kháng (2015), *Nhà văn anh là ai*, NXB Văn hóa - Văn nghệ.
5. Ma Văn Kháng (2019), *Người khách kỳ dị*, NXB Phụ nữ.
6. Ma Văn Kháng (2023), *Chim trời bay về sau cơn mưa*, NXB Phụ nữ Việt Nam.
7. Ma Văn Kháng (2017), *100 truyện ngắn (1,2,3)*, NXB Hội Nhà văn.
8. Ma Văn Kháng (2019), *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương*, NXB Văn học.
9. Nguyễn Ngọc Thiện (2015), Văn chương, Nghệ thuật và Thẩm mỹ tiếp nhận.
10. Phạm Hằng (2022), *Nhà văn Ma Văn Kháng: Sống trong nghề thầy, viết về người thầy*
<https://vanvn.vn/nha-van-ma-van-khang-song-trong-nghe-thay-viet-ve-nguoi-thay/>

THE SPACE OF FOLK CULTURE IN THE MOUNTAIN REGION IN MA VAN KHANG'S SHORT STORIES

Le Phuong Thao, Nguyen Thanh Huyen

Abstract: *Ma Van Khang is one of the representative writers of modern Vietnamese literature who writes about mountainous themes. With rich practical experience and a profound understanding of the lives of ethnic minorities, especially in Lao Cai, the author has created an artistic world rich in cultural identity deeply rooted in the folk traditions of the mountains. The article examines the folk cultural space and the life of the northern mountainous region in several typical short stories of Ma Van Khang, thereby highlighting the folk material and human values as well as the artistic expressiveness in his works.*

Keywords: *Ma Van Khang, folk culture, northern mountainous region, short stories, artistic space, ethnic minority literature.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-7-2025; ngày phản biện đánh giá: 04-8-2025; ngày chấp nhận đăng: 20-8-2025)